

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 12- 2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hoàn

2. Bà Hoàng Thị Tố Quyên

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Ngô Thị Hồng T**, sinh năm 1989 - Có mặt

Nơi cư trú: Xóm PL, xã TP, huyện VT, tỉnh VP.

2. Bị đơn: **Anh Ngô Văn T**, sinh năm 1989 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm LH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Ngô Văn T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện VT, tỉnh VP trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn PL, xã TP, huyện VT, tỉnh VP. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng tháng 01/2016 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân là do anh T không có công ăn việc làm, hết về Thái Nguyên tụ tập đánh bạc dẫn tới nợ nần, không tu chí làm

ăn. Tháng 9/2018 anh T bị tai nạn giao thông, sau khi anh T bình phục thì tâm tính thay đổi, thường xuyên chửi mắng vợ và bố mẹ vợ, ghen tuông vô cớ, có hành vi bạo lực cả về thể xác và tinh thần đối với chị nên chị đã ly thân với anh T từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể khắc phục và tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Ngô Phương L, sinh ngày 14/01/2016, hiện đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về điều kiện nuôi con, hiện chị có nhà ở, công việc thu nhập ổn định đủ để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Ngô Văn T xác định về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung, công nợ chung như chị Ngô Thị Hồng T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, những lý do chị T trình bày ở trên đều không đúng. Tháng 8/2018 anh về Thái Nguyên chơi không may bị tai nạn xe máy phải đi nằm viện dài ngày, sau khi ra viện do sức khỏe yếu nên anh về nhà bố mẹ đẻ ở xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN sinh sống, thi thoảng anh vẫn xuống VP thăm vợ con, tuy nhiên anh xuống được vài lần thì chị T không cho xuống nữa, đuổi về, không cho ở lại, đến nay thì chị T nộp đơn ly hôn. Anh xác định hiện tại anh vẫn còn tình cảm với chị T, không mong muốn gia đình tan vỡ, do đó anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Do hiện tại công việc và thu nhập của anh không ổn định nên nếu vợ chồng ly hôn anh đồng ý chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh sẽ tự cấp dưỡng cho con khi có điều kiện.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của anh T. Kết quả xác định: Sau khi kết hôn anh T và chị T không sinh sống tại xóm Làng Hòa, xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN nên địa phương không nắm được về tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng. Tuy nhiên, anh T hiện cư trú tại địa phương, không thấy chị T về sinh sống cùng.

[4]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc T theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Ngô Thị Hồng T, cho chị Ngô Thị Hồng T được ly hôn với anh Ngô Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung là Ngô Phương L, sinh ngày 14/01/2016 cho chị Ngô Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Ngô Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng T, nơi cư trú: xóm PL, xã TP, huyện VT, tỉnh VP với bị đơn anh Ngô Văn T, Nơi cư trú: xóm LH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự không thống nhất được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa anh Ngô Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Văn T.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Chị Ngô Thị Hồng T và anh Ngô Văn T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện VT, tỉnh VP trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm PL, xã TP, huyện VT, tỉnh VP. Quá trình chung sống những năm trở lại đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị Ngô Thị Hồng T với anh Ngô Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Ngô Thị Hồng T là có cơ sở chấp nhận, cho chị Ngô Thị Hồng T được ly hôn với anh Ngô Văn T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Ngô Phương L, sinh ngày 14/01/2016. Chị T có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý để chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên đương sự đều có cùng quan điểm về việc chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật và điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao con chung là Ngô Phương L, sinh ngày 14/01/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Ngô Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Ngô Thị Hồng T, cho chị Ngô Thị Hồng T được ly hôn với anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Ngô Phương L, sinh ngày 14/01/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho

tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Ngô Văn T vì chị Ngô Thị Hồng T chưa có yêu cầu.

Anh Ngô Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Ngô Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016757 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh T, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- TAND tỉnh TN;
- UBND xã VH, huyện ĐH;
- UBND xã TP, huyện VT, tỉnh VP;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc